

NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA TÂM THỨC HỖN DUNG TÔN GIÁO QUA NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG CẦU ĐẢO CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN (1558 - 1777)

Tóm tắt: Trên cơ sở khảo cứu, phân tích các nguồn sử liệu về hoạt động cầu đảo của các chúa Nguyễn giai đoạn 1558-1777, bài viết chỉ ra những biểu hiện hỗn dung tôn giáo. Trong đó, bên cạnh yếu tố tín ngưỡng nông nghiệp giữ vai trò cốt lõi, thời kỳ này yếu tố Tam giáo giữ một vai trò quan trọng. Đặc biệt, trong môi trường xã hội Đàng Trong, tâm thức hỗn dung tôn giáo của người Việt tiếp xúc với yếu tố tôn giáo địa phương mang lại cho cầu đảo những nhân tố mới. Bài viết cũng chỉ ra xu hướng quan phương hóa hoạt động cầu đảo và ý nghĩa của nó trong việc khẳng định vai trò thống trị của các chúa Nguyễn.

Từ khóa: Cầu đảo; tín ngưỡng nông nghiệp; tam giáo; tôn giáo bản địa; chúa Nguyễn.

1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Khi đề cập đến vấn đề thực hành tôn giáo của người Việt, các nhà nghiên cứu đều có chung nhận xét: người Việt có *tâm thức hỗn dung* và *thờ cúng đa thần*. Đặc điểm phổ biến này thể hiện qua nhu cầu *cá nhân* và trong đời sống *xã hội*. Như một số ý kiến đã chỉ ra: Ở góc độ *cá nhân*: “Những người uyên bác nhất, kể cả nhà vua một mặt chỉ tuân theo lý trí và tin tưởng vào các kinh điển của Khổng, cũng thờ Phật, thờ thần và khi cần cũng bói ma xem quẻ¹; Ở góc độ *xã hội*: Việc tôn kính đa thần của người Việt tạo thành một sự pha trộn thờ kính đa dạng: thờ ông bà tổ tiên, nơi thờ tự chính là từ đường hoặc là một bàn thờ đặt ngay trong nhà; thờ Phật thì ở chùa; thờ thần và các quỉ ma thì ở đình hay am miếu; các lễ nghi tà thuật Lão giáo thì ở đền; Khổng Tử

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 04/9/2018; Ngày biên tập: 10/9/2018; Ngày duyệt đăng: 20/9/2018.

được thờ ở Văn Miếu; thờ trời đất thì lập đàn có tường bao quanh; vua tại ngôi thì được bái thờ ở bái đình dựng lên ở mỗi tỉnh...².

Tiếp cận từ một góc độ khác, nghiên cứu trường hợp thực hành “cầu đảo”, bài viết cung cấp thêm một cái nhìn về *tâm thức hỗn dung tôn giáo* của người Việt. Từ các nguồn sử liệu, trên cơ sở phân tích các hoạt động cầu đảo của triều đình chúa Nguyễn giai đoạn 1558 - 1777, bài viết chỉ ra những dạng thức hỗn dung tôn giáo được thể hiện trong hoạt động cầu đảo của triều đình giai đoạn này. Đáng chú ý, khi hoạt động cầu đảo có những chuyển dịch về mặt địa lý - xã hội ở Đàng Trong, tâm thức hỗn dung tôn giáo của người Việt tiếp xúc với yếu tố tôn giáo bản địa, nó cũng mang lại cho hoạt động cầu đảo những nhân tố mới.

Về mặt tư liệu, hoạt động cầu đảo với các nghi lễ mang tính ma thuật, phù chú được ghi chép trong khá nhiều nguồn sử liệu, gồm: *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, *Việt Điện U Linh*, *Lĩnh Nam Trích Quái*, *Đại Nam Thực Lục*, *Đại Nam Nhất Thống Chí*... Các ghi chép của giáo sĩ phương Tây thế kỷ XVI - XIX cũng đề cập đến cầu đảo và một số nghi lễ mang tính ma thuật, phù chú ở nước ta, như: *Hành trình và truyền giáo* của A. Rhodes, *Luận về phái của người Trung Hoa và Đàng Ngoài* của A. St. Thecla, *Văn hóa, Tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt* của L. Cadière. Tuy nhiên, tình hình nghiên cứu về vấn đề cầu đảo ở nước ta, cho đến nay chưa nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu.

Về cơ sở lý luận, tập trung chủ yếu ở các tác phẩm, công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài được dịch và xuất bản, gồm: *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, của tác giả X. A. Tôcarev (1995), *Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy* của Lévy Bruhl (2008), *Cành Vàng - Bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy* của tác giả James George Frazer (2007). Quan điểm chung cho rằng: cầu đảo là một trong những hình thức tôn giáo nguyên thủy gắn liền với tín ngưỡng nông nghiệp, nó được thể hiện dưới nhiều hình thức thực hành mang tính ma thuật. Trong đó, cơ chế tâm lý của người nguyên thủy³ sử dụng các phép thuật, ma thuật, phương thuật mỗi khi gặp rủi ro đặc biệt trong công việc gieo trồng;

Và xu hướng sử dụng song song *kinh nghiệm hiện thực* (gieo trồng) và *kinh nghiệm thần bí* (phép thuật). Đối với các đóng góp của Frazer, trên cơ sở khối lượng khảo cứu đồ sộ, tác giả phân loại ma thuật thành hai loại chính là: *ma thuật mô phỏng* (*imitative magic*), dựa trên nguyên tắc tương đồng và *ma thuật lây lan* (*contagious*), dựa trên nguyên tắc cảm nhiễm. Trong đó, tác giả xếp cầu đảo vào nhóm *ma thuật mô phỏng*⁴.

Sách, công trình nghiên cứu cổ sử khảo cứu về văn hóa - tôn giáo cổ đại của người Việt, gồm: *Nguồn gốc văn hóa Việt Nam* của Kim Định, *Việt Nam văn hóa sử cương* của Đào Duy Anh, *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam* (Hà Văn Tấn, chủ biên), *Việt Nam văn minh sử* của Lê Văn Siêu... Các công trình này đóng góp lớn trong việc làm rõ vai trò cơ tầng văn hóa bản địa Nam Á trong việc hình thành nghi lễ cầu đảo và tín ngưỡng nông nghiệp thời kỳ sơ sử trước khi người Việt tiếp thu văn hóa Hán. Đặc biệt, Tạ Đức (2017) trong cuốn *Nguồn gốc và sự phát triển của trống đồng Đông Sơn*, dựa trên các kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu đi trước, bằng các phân tích Dân tộc học, Khảo cổ học trên trống đồng Đông Sơn, khẳng định: cầu mưa, cầu nắng có niên đại xuất hiện sớm khoảng thế kỷ 14 - 13 TCN, nó đặc biệt phổ biến trong cộng đồng Bách Việt ở thế kỷ 5 - 3 TCN⁵.

Sách, công trình nghiên cứu tiêu biểu về cầu đảo và các nghi lễ thực hành mang tính ma thuật, vu thuật, phù chú tập trung ở các nghiên cứu về Đạo giáo và quá trình du nhập Đạo giáo ở Việt Nam có tác giả Nguyễn Duy Hình (2003) với *Người Việt Nam với Đạo giáo và Về hội nhập văn hóa trong lịch sử Việt Nam* (viết chung với Lê Đức Hạnh, 2012); *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam* của Nguyễn Đăng Duy (2001), *Từ Lão - Trang đến Đạo giáo* của Lê Xuân Vũ (2011); “Đạo giáo và những biểu hiện trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam” của Vũ Hồng Vận (2017). Nhìn chung, các tác giả đều cho rằng: Đạo giáo ở Trung Quốc, từ giai đoạn Lão - Trang đến khi hình thành hệ thống lễ nghi thờ cúng Đạo giáo, nó đã thấm nập nhiều hình thức thực hành mang tính ma thuật, vu thuật, phù chú... Khi du nhập vào nước ta, người Việt có tư duy ưa thích ma thuật là môi trường thuận lợi cho Đạo giáo phát triển, đặc biệt là Đạo giáo phù thủy.

Trong số ít các bài nghiên cứu đề cập trực tiếp đến cầu đảo, đáng chú ý có hai bài viết sau: Bài “Nghỉ lễ gọi mưa, gọi gió: Môi trường, cảm xúc và vấn đề quản trị của triều Nguyễn ở Việt Nam, 1802 - 1883” (“Calling for Wind and Rain” Rituals: Environment, Emotion, and Governance in Nguyễn Vietnam, 1802 - 1883) của Kathryn Dyt (2015)⁶. Với cách tiếp cận từ bên ngoài, trên cơ sở khai thác sử liệu, tác giả khẳng định: triều Nguyễn quan tâm đặc biệt tới môi trường, thiên tai lụt lội, chú trọng nghi lễ gọi mưa, gọi gió trong quá trình quản trị đất nước giai đoạn 1802 - 1883. Bài “Việc thờ cúng Bách thần thời chúa Nguyễn” của Võ Phương Lan (2007) chỉ ra nghi lễ cầu đảo là một bộ phận thuộc nội dung thờ cúng *Bách thần* của Nho giáo. Việc chỉ ra mối quan hệ giữa cầu đảo và thuyết *Thiên Mệnh* nhằm khẳng định vai trò *Thiên tử* và sức mạnh thần quyền của triều đình góp phần lý giải các chúa Nguyễn dành sự quan tâm đặc biệt đối với các nghi lễ cầu đảo thời kỳ này.

Như vậy, có thể nhận thấy vấn đề cầu đảo còn nhiều khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu. Trong đó, đặc biệt là *sự đứt gãy* trong nghi lễ cầu đảo khi chuyển tiếp từ giai đoạn văn minh Bách Việt sang giai đoạn tiếp thu văn hóa Hán sau 1.000 năm Bắc thuộc và các triều đại phong kiến độc lập Lý - Trần - Lê - Nguyễn vẫn là vấn đề bỏ ngỏ.

2. Thuật ngữ và nguồn gốc của cầu đảo

Theo *Từ điển Hán Việt* (2013), *Cầu* là để chỉ sự mong muốn, *Đảo* là chỉ sự cầu cúng⁷. Theo các nhà nghiên cứu, *Cầu đảo* là một trong những hình thức thực hành tôn giáo sơ khai có nguồn gốc từ nông nghiệp, sùng bái tự nhiên và các sự vật có liên quan đến nông nghiệp. Về mặt nghi thức, cầu đảo mang tính ma thuật, gồm là các phép thuật thời tiết hoặc có nguồn gốc từ nông nghiệp⁸... Trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo, thuật ngữ *Cầu đảo* thường được hiểu là các nghi lễ tôn giáo “gọi mưa, gọi gió” mang tính ma thuật chủ yếu nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp⁹.

Cầu đảo là nghi lễ thực hành tôn giáo gắn với tín ngưỡng nông nghiệp phổ biến ở nhiều cộng đồng cư dân trên thế giới. Ở Việt Nam, các cứ liệu Khảo cổ học, Dân tộc học đã chỉ ra: nghi lễ cầu đảo phổ biến trong cộng đồng Bách Việt có niên đại khoảng từ thế kỷ 14 - 13

đến 4 - 3 TCN¹⁰. Với cư dân Việt cổ, chủ nhân của nền nông nghiệp lúa nước, nghi lễ cầu đảo đặc biệt có vai trò quan trọng.

Các nguồn sử liệu cũng cho biết, thực hành cầu đảo, cầu cúng thần linh (đa thần) sớm trở thành thói quen, tập tục của người Việt mỗi khi gặp khó khăn, rủi ro. Như vậy, ngay từ thời kỳ sơ sử, người Việt sớm có tâm thức hỗn dung tôn giáo. Quá trình tiếp xúc với văn hóa Hán, trải qua thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập Lý - Trần - Lê, trên cơ sở tâm thức hỗn dung và thờ cúng đa thần, nghi thức cầu đảo từng bước dung nạp thêm nhiều yếu tố thuộc tam giáo *Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo*. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, các yếu tố *Nho, Phật, Đạo giáo* có vai trò đậm nhạt khác nhau, song bên cạnh yếu tố *tín ngưỡng nông nghiệp* giữ vai trò cốt lõi, các yếu tố *Nho, Phật, Đạo* ngày càng có vị trí quan trọng trong hoạt động cầu đảo.

3. Các nhân tố chính trong hoạt động cầu đảo thời chúa Nguyễn

3.1. Yếu tố tam giáo: Nho - Phật - Đạo

3.1.1. Nho giáo

Mối quan hệ giữa thuyết “Thiên nhân tương cảm” và hoạt động cầu đảo

Thuyết *Thiên nhân tương cảm* do Đông Trọng Thư đề xướng dưới thời Hán. Nếu theo thuyết *Thiên mệnh*, chính quyền của vua là do trời ban, trời phù hộ cho người ấy như con nên gọi là *Thiên tử*, thì thuyết *Thiên nhân tương cảm* cho rằng: khi vua làm gì sai sót, hại dân thì trời nhắc nhở bằng điềm lạ gọi là *dị* như sao chổi mọc, động đất... Nếu vua quan không biết lỗi tự trách sửa chữa thì trời giáng họa, gọi là *tai* như dịch lệ, hạn lụt đề rã, nếu biết lỗi tự trách sửa chữa thì trời buông tha cho¹¹.

Các chúa Nguyễn, mặc dù không chủ trương cổ súy Nho giáo, song tư tưởng *Thiên nhân tương cảm* và quan niệm về *tai, dị* luôn thường trực trong tâm thức các chúa Nguyễn và giới triều thần.

Thời chúa Nguyễn, *tai, dị* được nhắc đến nhiều vô kể trong chính sử. Các điềm báo *tai, dị* như dịch, bệnh, hạn hán, lụt lội, nhật thực, sao chổi, động đất, núi lở... trở thành mối bận tâm hàng đầu triều thần. Nó cho thấy niềm tin vào thuyết *Thiên nhân tương cảm* trong giới triều

thần là hết sức mạnh mẽ. Theo đó, lực lượng thiên nhiên được thiêng hóa mang màu sắc huyền bí, mỗi một sự cố của thời tiết, thiên nhiên đều khiến triều đình lo lắng. Các điềm báo *tai, dị* và sự lo lắng của triều đình trong các lần cầu đảo được mô tả như sau:

Năm 1667: “Ngày mồng một tháng Sáu có Nhật thực, Mặt Trời bị che khuất bảy phần mười, kéo dài từ giờ Tỵ đến giờ Mùi... Đến ngày mười sáu lại có Nguyệt thực, Mặt Trăng bị che khuất, ánh sáng nửa vàng nửa đỏ, từ giờ Tý đến giờ Dần mới trong như cũ. Tháng Mười, sâu cắn lúa lan tràn, dân chúng lo buồn. Hiền vương sai quan lập đàn cầu đảo...”¹².

Năm 1670: “Thượng tuần tháng Hai bỗng thấy hai ngôi sao rất to sáng như nhau, cùng song song di chuyển trên bầu trời, hơn một tháng mới tách ra xa nhau. Tháng Tư có trận mưa nước mặn ở hai huyện Hương Trà và Quảng Điền; đến năm sáu ngày nước sông mới ngọt lại như cũ. Trung tuần tháng Sáu, núi Hương Chiển bỗng nhiên sụt lở mất một góc dài đến sáu bảy trượng, rộng hơn bảy thước [...]. Ngày mười bảy tháng ấy có Nguyệt thực, Mặt Trăng bị che toàn phần, tỏa màu xanh và đen... Hạ tuần tháng Bảy ở vùng đô thành xảy ra hỏa hoạn, cháy đến gần bảy trăm nhà dân, của cải gia súc thiệt hại nhiều vô kể [...]. Vương biết ý Trời, bèn giữ mình, sửa đức để cầu cho dân chúng tai qua nạn khỏi...”¹³.

Năm 1680: “Tháng Tám... thỉnh linh một con lóc nổi lên từ phía Đông Bắc, khắp nơi ào ào rung chuyển ngôi bay nhà đổ, núi lở đá sập. Rồi mưa to sấm chớp đầy trời, không bao lâu nước lũ dâng lên... làng mạc từ biển cho đến tận chân núi ngập sâu đến hơn một trượng... người vật chạy lên núi tránh lũ nhưng vẫn không khỏi hao tổn nặng nề. Ấy là trời giáng tai ương... Hiền vương bèn sai dựng đàn cầu đảo, sau đó mới được yên”¹⁴.

Năm 1683: “Tháng Bảy có ngôi sao trắng phạm vào cung Mặt Trăng... không biết ngôi sao ấy chủ về việc lành hay việc dữ? Tháng Mười lại có sao Cờ xuất hiện ở phương Đông Nam... Năm ấy trong nước bị dịch bệnh, người chết rất nhiều. Hiền vương cho lập đàn cầu đảo với trời đất thần linh, dân chúng mới được bình yên như trước”¹⁵.

Năm 1771: “Núi Thạch Bi ở Phú Yên bị sét đánh, đá đen ở núi đều hóa ra trắng cả, xa trông như bia đá dựng đứng, sắc như tro trắng. Chúa sai quan làm lễ đảo”¹⁶.

Thực hành cầu đảo theo thuyết “Thiên nhân tương cảm”

Với niềm tin vào mối quan hệ *Thiên nhân tương cảm*, *Thiên nhân tương dữ*, mỗi khi trong nước xuất hiện *tai, dị*, việc đầu tiên của các chúa Nguyễn đó là tự xét mình sửa đức, tiếp đến lo sửa lễ cầu đảo.

Ngoại trừ một vài lần làm lễ cầu mát để cầu sức khỏe cho nhà vua, phần lớn các lần cầu đảo đều có nguồn cơn từ các điềm báo *tai, dị* do trời giáng xuống. Trong hơn 15 lần cầu đảo, thời chúa Nguyễn có tới 12 lần cầu đảo là do trong nước gặp *tai, dị*, cụ thể như sau:

Cầu đảo do hạn hán vào các năm: 1614, 1668, 1689, 1695;

Cầu đảo do ngập lụt vào năm 1680;

Cầu đảo do dịch châu chấu năm 1667, dịch bệnh năm 1683;

Cầu đảo do động đất, núi lở vào các năm: 1670, 1685, 1771, v.v...

Điều đáng nói, cả vua quan triều thần đều tin rằng: nhờ có cầu đảo mà trong nước dân chúng mới được yên ổn. *Đại Nam Thực Lục* có ghi: Cuối đời chúa Hiền, nhiều thiên biến và thiên tai... tuy nhiên chúa lo sửa sang chính sự nên trong cõi vô sự.

3.1.2. Phật giáo

Mối tương quan giữa các nghi lễ cầu an (Phật giáo) và nghi lễ cầu đảo

Một số nghi lễ Phật giáo như cầu an, cầu siêu từ lâu đã trở thành các tập tục phổ biến trong đời sống dân gian người Việt. Nghi lễ cầu an trong Phật giáo thực chất là cầu sự an định trong tâm hồn nhưng khi nó được thực hiện với tâm thức sùng bái Thần, Phật của người Việt, nghi lễ này có những biến đổi về cả nội dung và hình thức.

Thời chúa Nguyễn, Đàng Trong suốt một thời gian dài chìm trong chiến tranh loạn lạc, nhu cầu tìm đến tôn giáo trong dân chúng rất lớn, trong đó nghi lễ cầu an (Phật giáo) thực sự trở thành một cứu cánh. Mặt khác, do ảnh hưởng của thuyết *Thiên nhân tương cảm* và quan niệm về *tai, dị*, triều thần chúa Nguyễn luôn thường trực một nỗi trạng bất an những sự thay đổi của thời tiết, tự nhiên. Do đó, cầu đảo

ngoài mục đích cầu mưa thuận gió hòa cho mùa màng, nó còn nhằm xua tan đi các tai ương làm an lòng mọi tầng lớp nhân dân. Nghi lễ cầu an thường được tiến hành vào dịp đầu năm, nghi lễ cầu đảo tiến hành mỗi khi xuất hiện *tai, dị*, song với các mục đích ý nghĩa trên đây, hai nghi lễ này có nhiều điểm tương đồng.

Thông thường, tăng sư là người thực hiện nghi lễ cầu an. Thời chúa Nguyễn với chính sách khuyến khích Phật giáo, tăng sư có được vị thế quan trọng trong đời sống xã hội. Có nhiều cơ sở để tin rằng: tăng sư là nguồn nhân lực chính thực hiện các nghi lễ cầu đảo, đồng thời các nghi lễ Phật giáo có các ảnh hưởng trực tiếp tới nghi lễ cầu đảo thời kỳ này. Các nhận định này sẽ được chúng tôi từng bước làm rõ ở phần viết ngay sau đây.

Mối quan hệ giữa triều đình và hàng ngũ sư tăng

Ngay từ rất sớm, chính quyền chúa Nguyễn chủ trương phát triển Phật giáo. Bên cạnh các hoạt động xây chùa, đúc tượng, về mặt hoàng pháp, triều đình dựa hẳn vào hàng ngũ tăng sư. Do đó, giữa triều đình và hàng ngũ tăng sư có một mối quan hệ mật thiết, tăng sư là chỗ dựa tinh thần, hộ trì đắc lực cho triều đình và các chúa Nguyễn. Đồng thời, sư tăng giữ vai trò đảm trách hầu hết các nghi thức khánh tiết trọng thể của triều đình bao gồm cả các nghi lễ tôn giáo.

Từ thời *chúa Tiên*, *chúa Sãi*, Phật giáo đã rất phát triển, song từ thời *chúa Hiền* trở đi quan hệ giữa triều đình và hàng ngũ sư tăng mới thực sự gắn bó. Năm 1679, thời *chúa Hiền*, theo chân các đoàn người Minh Hương vào định cư ở Đàng Trong có các tăng sư người Hoa, bổ sung cho lực lượng tăng sư ở Đàng Trong. Tiêu biểu thời kỳ này có Thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch (phái Thiền Lâm tế), Thiền sư Minh Châu - Hương Hải (phái Thiền Trúc lâm). Thời *chúa Hiền*, hoàng gia và một số triều thần quy y theo Thiền sư Minh Châu - Hương Hải. Thiền sư Nguyên Thiều được trọng dụng dưới thời các chúa Hiền, chúa Nghĩa¹⁷.

Chúa Minh có pháp danh là *Hưng Long*, chúa trọng dụng Thiền sư Hưng Liên như một vị quốc sư. Trong 2 năm, Thiền sư Thích Đại Sán hoàng pháp ở Đàng Trong (1695 - 1696), từ nhà vua, giới hoàng thân cho đến các quan tướng của triều đình thường xuyên gặp gỡ tham vấn Phật pháp.

Chúa Ninh tiếp tục hộ trì Phật pháp.

Võ vương Nguyễn Phúc Khoát pháp danh là *Tư tế Đạo nhân*, trọng dụng Thiền sư Liễu Quán (là tăng sư người Việt) và ban sắc tứ cho nhiều chùa.

Tăng sư và các nghi thức khánh tiết của triều đình

Đáng chú ý, thời kỳ này từ nghi thức đối ngoại đến các nghi lễ tôn giáo của triều đình được cử hành bằng các nghi thức mang màu sắc Phật giáo và do tăng sư thực hiện. Tiêu biểu với một số sự kiện sau:

Năm 1640, trong nghi thức đón tiếp phái đoàn giáo sĩ phương Tây, triều đình cử hành nghi lễ cúng tế vong linh tổ tiên long trọng cho người Tây xem. Toàn bộ nghi lễ cúng tế do một vị thượng tọa thực hiện với các nghi thức khấn tụng, đốt mã...

“... chúa muốn người Tây thấy một nghi lễ chúa cử hành để tôn thờ vong linh tiên tổ trong sân phủ chúa. Tất cả binh sĩ đều chỉnh tề túc trực, chừng sáu ngàn. Tất cả đều vận nhung đồ sẫm, mũ mạ vàng và súng su kê bóng loáng. Các tướng lãnh chỉ huy đạo binh ai nấy đều đứng trong hàng ngũ như thể phải đi trận. Mọi người đã xếp hàng đông đủ khi có mặt chúa rồi, thì có một vị thượng tọa cử hành các nghi lễ bên cạnh bàn thờ. Rồi sau khi thượng tọa đọc những lời chẳng ai hiểu thì đốt mấy con ngựa giấy với mấy khẩu đại bác cùng bằng giấy...”¹⁸.

Năm 1714, nhân dịp đại lễ ở chùa Thiên Mụ, triều đình mời và đón tiếp phái đoàn vua Chiêm Thành tại chùa Thiên Mụ, gồm có vua Kế Bà Tử, hoàng gia và triều thần tới dự.

“... tháng 7, mở hội lớn ở chùa Thiên Mụ. Chúa ăn chay ở vườn Côn Gia một tháng, phát tiền gạo, chẩn cấp cho người nghèo thiếu. Phiên vương Thuần Thành là Kế Bà Tử cũng đem con và tướng tá tới hội, chúa ban yến tiệc rất hậu, phong cho ba người con là Phù Xác, Phác Xác và Tỳ Thôn Phù tước hầu”¹⁹.

Năm 1695, theo lời kể của Thiền sư Thích Đại Sán trong lần đầu tiên đến Đàng Trong, đích thân nhà vua đón tiếp bằng các nghi thức Phật giáo: “Vua đứng đón ở thềm phía Đông, ... trong cung, có bài trí tượng Phật, phướn tàn chuông mõ, chẳng khác cảnh chùa [...] nhà vua tự tay đánh khánh, đốt hương”²⁰.

Về nghi lễ tôn giáo, lập trai đàn cầu siêu nghĩa sĩ chết trận là một nghi lễ quan trọng bậc nhất được triều đình tổ chức thường xuyên. Các trai đàn đều do tăng sư đảm nhiệm và nghi lễ cử hành dựa theo sách *Thủy lục chư khoa*²¹.

Tăng sư và hoạt động cầu đảo của triều đình

Hoạt động cầu đảo dưới thời chúa Nguyễn được tổ chức khá đều đặn và thường xuyên. Thời *chúa Sãi*: cầu đảo năm 1641; Thời *chúa Hiên*: cầu đảo vào các năm: 1667, 1668, 1670, 1675, 1680, 1681, 1683; Thời *chúa Nghĩa*: cầu đảo năm 1689; Thời *chúa Minh*: cầu đảo năm 1695; Thời *Võ vương*: cầu đảo năm 1771.

Các ghi chép về cầu đảo trong chính sử rất ngắn gọn, ví dụ như: *sai người làm lễ cầu đảo*, hoặc *sai quan lập đàn cầu đảo...*, vai trò tăng sư hầu như không được nhắc tới. Tuy nhiên, nếu tiếp cận từ các nguồn tư liệu ghi chép cá nhân, có thể thấy nổi lên vai trò của hàng ngũ tăng sư trong các hoạt động tế lễ của triều đình, kể cả hoạt động cầu đảo.

Sách *Hải Ngoại Kỳ Sự* của Thích Đại Sán ghi chép hành trình hoằng pháp của thiền sư ở Đàng Trong trong 2 năm 1695 - 1696. trong đó, nói rõ việc lập đàn do Bộ Lễ chuẩn bị, còn thiền sư là người trực tiếp thực hiện các nghi lễ tế lễ.

“Chiều hôm làm đàn “hỏa diệm” nghi lễ đàn Bộ châu vừa bày xong, thì mây kéo đen trời, mưa gió chẳng ngớt. Vương ngửa xem giậm chân bảo rằng: “Làm sao được một hôm trời tạnh ráo, để pháp sư được chẵn thực như ý, phật sự viên mãn, thì quý báu chừng nào?” Ta nghĩ, nhà vua một lần công đức, tốn phí bạc nghìn, bèn lấy hết tín thành cầu đảo, niệm. “Uế Tích Kim Cang thần chú” 108 biến, đốt hai đạo bùa. Nghỉ một lát lại niệm chú 48 biến. Mưa gió tạnh dần, một chốc vén mây thấy rõ trời xanh [...]. Vương mừng rỡ tạ lễ, ý muốn học phù chú ấy²².

Mô tả trên cho biết Thiền sư Thích Đại Sán thực hiện nghi lễ cầu đảo trên cơ sở kết hợp giữa việc đọc kinh trì chú của đạo Phật với việc đốt bùa của Đạo giáo. Trong đó, “Uế Tích Kim Cang thần chú” thuộc Bắc Thiên Trúc, Sa Môn Tam Tạng được A Chắt Đạt Tàn truyền vào Trung Hoa dưới đời Đường. Kinh này thường được sử dụng phổ biến

cho cả những người không quy y miễn là trai lành gái tín muốn cứu trị bệnh hoặc hết thấy các sở cầu cá nhân...

Theo ghi chép của A. Rhodes đã nêu ở trên, trong cuộc tiếp đón phái đoàn phương Tây năm 1640, trung tâm của buổi khánh tiết sau nhà vua là vị thượng tọa trong vai trò cử hành các nghi lễ tế lễ tổ tiên.

Mặc dù chính sử không đề cập nhiều đến vai trò tăng sư trong cầu đảo, song một số tài liệu cá nhân cho biết tăng sư có tham gia thực hiện các nghi lễ này (trường hợp Thiền sư Thích Đại Sán). Bên cạnh đó, chính sách phát triển Phật giáo của triều đình tạo điều kiện cho các nghi lễ Phật giáo trở nên phổ biến trong đời sống xã hội. Các bằng chứng về việc triều đình ủy thác hầu hết các nghi lễ trọng thể cho hàng ngũ tăng sư là những cơ sở để chúng tôi cho rằng: Thời kỳ này, lực lượng tăng sư là một trong những nhân tố quan trọng trực tiếp thực hiện nghi lễ cúng tế trong các buổi lễ cầu đảo của triều đình. Đồng thời về mặt hình thức nghi lễ, cầu đảo thời kỳ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các nghi lễ Phật giáo. Một số tăng sư sử dụng các bài kinh của Phật giáo để tụng niệm, trì chú trong quá trình thực hiện các nghi lễ cầu đảo.

3.1.3. Đạo giáo

Niềm tin vào thế giới thiêng của Đạo giáo

Chúa Nguyễn và triều thần có niềm tin khá sâu sắc vào thế giới thiêng của Đạo giáo. Sách *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí* cho biết, trước khi mất, chúa Hiền kể lại giấc mơ về các nhân vật có liên quan tới các ngôi sao trong Đạo giáo:

“... tuần thượng tháng 3, ở vương cung, vua nằm mơ được đi chơi Thiên đình và gặp một cụ già có cả lông mày tóc đều màu trắng, mặc áo màu đỏ, cầm bức bản bảo vật trong tay... Đông chiều tấu rằng [...] “đây là Hỏa Đức tinh quân”. Thần e rằng thiên mệnh của ngài sắp hết hạn, mong rằng ngài cứ trai giới và lập đàn để tạ tội Thiên địa”²³.

Trong cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, trước mỗi trận đánh, triều đình thường cho người xem sao. Năm 1657, Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật sau khi xem sao bảo rằng:

“Ngày sau, mình đã suy đoán là vào ngày Quý Hợi, ngày 25, tháng này, ngôi sao Chấn gặp Mặt Trời thì chắc chắn có gió lớn mưa to. Huống chi lại có mây đen trùm lên vị trí của Bắc Đẩu, Cự Môn, có mây trắng trùm lên ngôi cung của sao Thần thì từ phía Tây Bắc gió mưa tự phát sinh rất to lớn và sẽ nước lụt đầy tràn”²⁴.

Triều đình có một đội ngũ giúp việc là các “nhà thiên văn”, do đó việc xem sao rất được coi trọng: “Khi họ tính đúng thì họ được ban thưởng cho đất ruộng, trái lại nếu tính sai thì mất cả những ruộng đất đã được từ những lần trước”²⁵.

Mối quan hệ song hành giữa Đạo giáo và Phật giáo

Các chúa Nguyễn ưu tiên phát triển Phật giáo, nhưng không vì thế mà Đạo giáo trở nên mờ nhạt. Trong các ngôi chùa xây dựng thời chúa Nguyễn có sự song hành giữa yếu tố Đạo giáo và Phật giáo khá sâu sắc.

Tại ngôi chùa Kính Thiên (Quảng Bình) do chúa Nguyễn Hoàng xây dựng, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, trong 5 câu đối chúa ngự chế có một câu đối liên quan đến Đạo giáo: “Huyền ảo kính vu không đường, sâm nghiêm vạn tượng; Xán tâm đăng vu tính địa, diệu chứng vô vi” (*Nhà không khoáng treo gương quý, muôn tượng giăng bày chỗ tính linh rạng đèn lòng, vô vi mẫu nhiệm*)²⁶.

Tại chùa Thiên Tôn (Quảng Trị) do chúa Hiền xây cất, chúa ban cho tượng Phật và hoành phi có đề: *Thiên Tôn Quán Tự*; Tại chùa Thiên Mụ do chúa Nguyễn Hoàng xây, đến thời chúa Nguyễn Phúc Chu xây lại năm 1715 cho dựng thêm sơn môn thờ Thiên Tôn. Trong Đạo giáo, “Thiên tôn” là một vị thần cao quý.

Chùa Cảnh Tiên (Quảng Bình), do khai quốc công thần Nguyễn Hữu Dật dựng, là nơi thờ Phật và Tiên cảnh thuộc Đạo giáo. Ngay từ tiền triều, chùa đã được ban biển ngạch: *Sắc tứ Cảnh Tiên tự*.

Theo nhận định của Onishi trong một bài nghiên cứu về Đạo giáo thời chúa Nguyễn thì: ở một số ngôi chùa thời Nguyễn mang dấu ấn Đạo giáo, bên cạnh chức năng thờ Phật có chức năng Đạo quán đồng thời có thực hiện các nghi lễ Đạo giáo²⁷.

Đạo giáo, đạo sĩ và hoạt động cầu đảo của triều đình

Khảo cứu các nguồn tư liệu cho thấy, có rất ít tư liệu về việc đạo sĩ thực hành cầu đảo. Trong số đó, tiêu biểu sách *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, ghi chép sự kiện cầu đảo dưới thời chúa Hiền, năm 1687, như sau: Chúa thấy trong người mỗi một bèn “truyền cho các đạo sĩ dựng đàn cầu đảo nhưng bệnh tình ngày càng thêm nặng...”²⁸.

Ngoài ra, ở một ngôi chùa Đạo giáo, không loại trừ khả năng một số tăng sư có vai trò như các đạo sĩ thực hiện các nghi lễ của Đạo giáo và sử dụng nghi lễ này trong cầu đảo. Như đã nêu, trong một lần triều đình có đại lễ thì trời đổ mưa to, Thiền sư Thích Đại Sán nhân đó đã làm một số nghi lễ của Đạo giáo như niệm thần chú, đốt bùa để cầu tạnh.

“Chiều hôm làm đàn “hỏa diệm” nghi lễ đàn Bộ châu vừa bày xong, thì mây kéo đen trời, mưa gió chẳng ngớt [...] bèn lấy hết tín thành cầu đảo, niệm. “Uế Tích Kim Cang thần chú” 108 biến, đốt hai đạo bùa. Nghỉ một lát lại niệm chú 48 biến. Mưa gió tạnh dần [...] Vương mừng rỡ tạ lễ, ý muốn học phù chú ấy.

Ngay cả các vị chúa Nguyễn cũng mong muốn học được các phép phù chú của Đạo giáo. Chúa Minh, sau khi được tận mắt chứng kiến Thích Đại Sán làm phép và niệm chú cầu tạnh được linh ứng, Chúa mừng rỡ đề nghị thiền sư dạy cho mình phép phù chú đó.

Trong hàng ngũ quan lại triều thần, một số người am hiểu các vụ thuật, nghi lễ Đạo giáo. Trong số đó, Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật là người rất giỏi thuật xem sao và được chúa Hiền hết sức yêu mến và tin dùng²⁹. Rất có thể, các vị này là các nhân tố có vai trò như các đạo sĩ thực hiện các nghi lễ Đạo giáo khi triều đình tổ chức cầu đảo.

Đạo giáo phát triển nhất là dưới thời chúa Hiền, thời điểm cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn bước vào giai đoạn cam go nhất. Theo Onishi, đây chính là lý do triều đình cho xây dựng ngôi chùa Đạo giáo “Thiên Tôn” tại Dinh Cát với mục đích trấn yểm cho vùng biên cương trọng yếu. Thông kê từ *Đại Nam Nhất Thống Chí* cũng cho thấy, hầu hết các ngôi chùa Đạo giáo tập trung ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, như: chùa Kính Thiên, chùa Cảnh Tiên (Quảng Bình), chùa Thiên Tôn (Quảng Trị),...

Các chúa Nguyễn lựa chọn chính sách phát triển Phật giáo, song khi lâm vào các tình thế khó khăn các chúa Nguyễn cũng huy động thêm sức mạnh của Đạo giáo, do đó yếu tố Đạo giáo đặc biệt trở nên nổi bật dưới thời chúa Hiền. Đây cũng là thời kỳ có nhiều hoạt động cầu đảo nhất với 7/15 lần cầu đảo. Đặc biệt, khi cuộc nội chiến bước vào giai đoạn quyết định, việc dựng đàn cầu đảo được triều đình tổ chức liên tục vào các năm 1667, 1668, 1670. Trong đó, một số cuộc tế lễ, triều đình chỉ định rõ đạo sĩ là người trực tiếp thực hiện nghi lễ cầu đảo.

3.2. Yếu tố tôn giáo địa phương trong hoạt động cầu đảo

Kể từ khi vào mở cõi phương Nam, các chúa Nguyễn từng bước tiếp thu các yếu tố tôn giáo nơi đây. Từ rất sớm, các chúa đã thực hiện việc phong thần cho các thần kỳ được thờ phụng lâu đời ở phương Nam như: Thần Ái Tử, Thiên Y Ana,... Trong số đó, Thai Dương Phu nhân là vị thần có vị trí quan trọng trong các hoạt động cầu đảo của triều đình thời kỳ này.

Theo truyền thuyết, Thai Dương Phu nhân là một phiến đá lớn có hình người đàn bà mang thai trên bãi biển làng Thai Dương, Thờ Thiên - Huế. Thần đã hiển mộng với một người đánh cá nghèo, dân địa phương lập đền thờ phụng làm Thánh mẫu. Thai Dương Phu nhân gắn với tín ngưỡng đi biển, đánh cá³⁰.

Dưới thời chúa Thượng (Nguyễn Phúc Lan), trong một lần thuyền đi tiếp tế gấp cho quân đội đang chiến đấu nhưng không gặp gió. Chúa sai đại thần đến miếu cầu Thánh Mẫu, tức thì linh ứng, gió nổi lên, buồm căng gió thuyền nhanh chóng tới nơi. Sau lần đó, ngày chiến thắng trở về để tạ ơn nữ thần, chúa phong sắc: “Thai Dương Linh Ứng Đoan Thụ Nhu Thần Trinh Ý Từ Huệ Ý Đức Cẩn Hạnh Phu Nhân”.

Vào thời chúa Hiền, xảy ra hạn hán nhiều tháng, chúa sai đại thần đi khắp nơi cầu các thần núi, thần sông cho mưa nhưng không được. Có vị quan được báo mộng duy chỉ có cầu mưa thần Thai Dương Phu nhân là được. “Chúa bèn sai quan đến miếu Thánh Mẫu nhân danh chúa cầu xin. Chỉ trong chốc lát, nước mưa tầm tã đổ xuống. Để tưởng thưởng việc ấy, chúa cho mở đàn cúng tế Thánh Mẫu”³¹.

Sau đó, đền Thai Dương Phu nhân được trùng tu nhiều lần. Trong suốt thời chúa Nguyễn, ngôi đền được cho nơi là linh ứng, nhiều lần được triều đình lựa chọn làm địa điểm tổ chức các buổi tế lễ cầu đảo. Sau này, đền tiếp tục được các vua Nguyễn lựa chọn là nơi thường xuyên diễn ra hoạt động cầu đảo.

Dải đất Miền Trung với những rặng núi nhô ra biển, đồng bằng nhỏ hẹp đất đai kém màu mỡ, người dân không thể phát triển nông nghiệp, mà thay vào đó phải vươn ra biển, phát triển nghề đi biển và nghề đánh cá. Trên cơ sở đó, các chúa Nguyễn đề cao việc tôn thờ tín ngưỡng thờ nữ thần Thai Dương Phu nhân vừa với tư cách là một vị thần biển vừa với tư cách là một vị thần nông nghiệp ban cho mưa thuận gió hòa mùa màng tốt tươi...

Việc đề cao vai trò của nữ thần Thai Dương Phu nhân trong hoạt động cầu đảo dưới thời chúa Nguyễn cho thấy những biểu hiện hết sức đa dạng và đặc sắc của tâm thức hỗn dung và thờ cúng đa thần của người Việt tại vùng đất Đàng Trong. Việc đưa tín ngưỡng thờ cúng Thai Dương Phu nhân vào trong vào hoạt động cầu đảo của triều đình, thực chất là một sự tính thích nghi hết sức mạnh mẽ về mặt văn hóa - xã hội và tôn giáo của các cư dân Việt khi phải đối mặt với những khó khăn và thay đổi môi trường sống trong quá trình định cư tại vùng đất Đàng Trong.

4. Một số nhận xét, đánh giá

4.1. Cầu đảo và tín ngưỡng nông nghiệp

Cầu đảo là nghi lễ có nguồn gốc từ tín ngưỡng nông nghiệp, ý nghĩa khởi thủy của nó là để cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Đàng Trong đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc phát triển nghề trồng lúa nước, thêm vào đó khí hậu nhiệt đới, mưa nắng thất thường... nghi lễ cầu đảo càng trở nên cần thiết đối với các cư dân Đàng Trong.

Thời chúa Nguyễn, mối quan hệ các hoạt động cầu đảo với tín ngưỡng nông nghiệp về cơ bản là bền chặt. Ngoài trừ một số lần cầu mát (cầu sức khỏe), phần nhiều các lần cầu đảo được triều đình tổ chức nhằm mục đích cầu mưa thuận gió hòa gắn với nhu cầu gieo trồng. Kết quả thống kê cho thấy, trong hơn 15 lần cầu đảo có tới 04 lần triều đình tổ chức cầu mưa do hạn hán vào các năm: 1614, 1668,

1689, 1695; cầu tạnh do ngập lụt vào năm 1680; Cầu đảo (Nhuong trừ) khi có dịch châu chấu năm 1667 và dịch bệnh năm 1683, v.v...

4.2. Cầu đảo với ý nghĩa cầu may, cầu mát (cầu sức khỏe)

Chúng tôi cho rằng, việc dung nạp các yếu tố thuộc tam giáo trong hoạt động cầu đảo đã góp phần mở rộng về mặt nội dung của hoạt động cầu đảo. Thời kỳ này, cầu đảo ngoài ý nghĩa cầu mưa, triều đình còn thường xuyên tổ chức cầu đảo với các mục đích để cầu may, cầu mát.

Cầu đảo với mục đích kêu cầu sự trợ giúp của thần linh được triều đình sử dụng thường xuyên như một giải pháp mỗi khi gặp khó khăn. Chúa Thượng cho cầu đảo ngay trên đường dẫn quân tiếp viện. Chúa Hiền nhiều lần tổ chức cầu mát để cầu sức khỏe cho nhà vua, thái tử và quan lại đầu triều vào các năm 1675, 1681, 1685... Mức độ thường xuyên, mục đích cầu đảo đa dạng, nó phản ánh tâm thức hỗn dung, sùng bái thần linh hết sức mạnh mẽ của vua quan triều thần.

Như một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra, thờ cúng Thần - Phật có vị trí quan trọng trong tâm thức tôn giáo của người Việt. Thời kỳ này, bên cạnh việc sùng bái Thần - Phật, đối tượng thờ cúng trong cầu đảo hết sức phong phú. Trong lần thái tử Hiệp Đức bị bệnh nặng, Hiền vương cho lập đàn cầu mát tại đền thần, cửa Phật và cả tông miếu thờ các bậc tiên vương. *Đại Nam Thực Lục* cho biết, mỗi lần tổ chức cầu đảo, triều đình cho lập đàn cầu trời đất, thần linh, hoặc sửa lễ cầu đảo khắp các thần kỳ trong nước...

Đặc biệt, trong hệ thống thần thời kỳ này được bổ sung thêm một số vị thần phương Nam. Trong đó, triều đình sắc phong cho Thai Dương Phu nhân và lựa chọn ngôi đền làm địa điểm cầu đảo thường xuyên. Một trong những đặc điểm của tâm thức hỗn dung tôn giáo và thờ cúng đa thần của người Việt, đó là rất dễ dàng chấp nhận và dung nạp các yếu tố tôn giáo khác biệt. Hơn hết, đây là một sự thích nghi mạnh mẽ về mặt văn hóa - tôn giáo trên vùng đất mới. Việc tôn kính các vị thần bản địa đem lại cho các lưu dân Việt sự chở che và chỗ dựa tinh thần khi họ đối mặt với những khó khăn trên vùng đất mới Đàng Trong.

4.3. Xu hướng quan phương hóa hoạt động cầu đảo

Trong nghi lễ cầu đảo, đối tượng thờ cúng chủ yếu là trời và các hiện tượng thiên nhiên gió, mây, sấm, mưa... thuộc hệ thống thờ *Bách*

thần trong Nho giáo. Không cổ súy Nho giáo song trong tâm thức vua quan Đàng Trong vẫn chịu sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, đặc biệt là thuyết *Thiên mệnh*, *Thiên nhân tương cảm*.

Theo thuyết *Thiên Mệnh*, vua là con trời, vua có bốn phận thờ trời và cai quản bách thần. Các vị chúa Nguyễn mỗi khi lên ngôi hoặc vào các dịp trọng đại, thường tổ chức tế cáo trời đất, tôn miếu và sắc phong thần trong cả nước.

Tương tự, với thuyết *Thiên Nhân tương cảm*, trời mang điềm báo *tai, dị* là bốn phận nhắc nhở của người cha đối với con. Theo nguyên lý này, cầu đảo trở thành một đặc quyền của chính quyền phong kiến. Bởi vì, chỉ có *Thiên tử* mới có bốn phận kêu trời làm mưa, thay trời lo lắng chăm sóc cho các thần dân trong nước, v.v... Đây là lý lẽ để các chúa Nguyễn quan phương hóa hoạt động cầu đảo. Cầu đảo không chỉ là đặc quyền của các chúa Nguyễn, mà nó còn được sử dụng như một công cụ trị nước an dân hữu hiệu của chính quyền Đàng Trong.

Bộ máy chính quyền do các chúa Nguyễn thiết lập ở Đàng Trong cần khẳng định vai trò thống trị là rất lớn. Hoạt động cầu đảo có một ý nghĩa đặc biệt đối với các chúa Nguyễn, qua đó nhằm khẳng định sức mạnh thần quyền của người đứng đầu, đồng thời góp phần củng cố quyền lực thống trị và tính chính danh của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong (giai đoạn 1558 - 1777). /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Cadière, Léopold (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 44 - 45.
- 2 Cadière, Léopold (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Tập 1, Sdd, tr. 44 - 45.
- 3 Khái niệm có tính ước lệ chỉ nhóm người trong điều kiện sống thấp kém, lạc hậu có phong tục thể chế khác. Xem: *Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy* của Lévy Bruhl, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 15
- 4 Minh Chi (2007), “Giới thiệu “Cảnh Vàng - Bách Khoa thư về văn hóa nguyên thủy”, *Nghiên cứu Con người*, số 6 (33), tr. 62-66.
- 5 Tạ Đức (2017), *Nguồn gốc và sự phát triển của trống đồng Đông Sơn*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 129.
- 6 Stable URL: <https://www.jstor.org/stable/10.1525/vs.2015.10.issue-2>; *Journal of Vietnamese Studies*, Vol. 10, No. 2, Spring 2015, Published by: University of California Press.
- 7 Thiều Chửu (2013), *Hán Việt Tự điển*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 298, 397.

- 8 Tôcarev, X. A. (1995), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 430 - 431.
- 9 Xem: Carthryn Dyt, “Calling for Wind and Rain” Rituals: Environment, Emotion, and Governance in Nguyễn Vietnam, 1802 - 1883”, Research Essay, Nguồn đã dẫn.
- 10 Tạ Đức (2017), *Nguồn gốc và sự phát triển của trống đồng Đông Sơn*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 129.
- 11 Trần Văn Giàu (2000), “Nho giáo ở Việt Nam”, trong *Trần Văn Giàu Tuyển tập*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 108.
- 12 Nguyễn Khoa Chiêm (2016), *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 448.
- 13 *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Sđd, tr. 449 - 450.
- 14 *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Sđd, tr. 533.
- 15 *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Sđd, tr. 538.
- 16 Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 176.
- 17 Sau cuộc nổi loạn do người Hoa lãnh đạo (1692) dưới thời Minh, Thiền sư Nguyên Thiều về ẩn tu ở chùa Hà Trung.
- 18 Alexandre De Rhodes (1994), *Hành trình và truyền giáo*, UBĐKDT, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 49.
- 19 *Đại Nam Thực Lục*, Sđd, tr. 130.
- 20 Thích Đại Sán, *Hải Ngoại Ký Sự*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, Ủy ban Phiên dịch sử liệu Việt Nam tái bản theo bản in 1963, Hà Nội, 2015, tr. 54 - 55.
- 21 Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 89.
- 22 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sđd, tr. 151 - 152.
- 23 *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Sđd, tr. 547 - 549.
- 24 *Đại Nam Thực Lục*, Sđd.
- 25 *Đàng Trong năm 1621*, Sđd, tr. 107 - 108.
- 26 Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 63.
- 27 Onishi Kazuhiko (2014), “Đạo giáo thời chúa Nguyễn qua nghiên cứu chùa Thiên Tôn”, *Xưa & Nay*, số 448, tháng 6, tr. 33-36.
- 28 *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Sđd, tr. 545.
- 29 Khi Nguyễn Hữu Dật bệnh nặng, đích thân chúa Hiền làm lễ cầu mát. Theo *Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Sđd, tr. 534.
- 30 Vũ Ngọc Khánh (2005), *Nữ thần và Thánh Mẫu*, Nxb. Thanh niên, Tiền Giang, tr. 67 - 68.
- 31 “Chuyện Thánh Mẫu Thai Dương Phu nhân” trong *Những người bạn cố đô Huế*, Tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 268.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Borri, Cristoporo (2014), *Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị (dịch, chú thích), Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Bruhl, Lévy (2008), *Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

3. Cadière, Léopold (2010), *Văn hóa, Tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Minh Chi (2007), “Giới thiệu “Cánh Vàng - Bách Khoa thư về văn hóa nguyên thủy”, *Nghiên cứu Con người*, số 6 (33).
5. Nguyễn Khoa Chiêm (2016), *Nam triều Công Nghiệp Diễn Chí*, Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
7. Tạ Đức (2017), *Nguồn gốc và sự phát triển của trống đồng Đông Sơn*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
8. Dyt, Carthryn, “*Calling for Wind and Rain*” *Rituals: Environment, Emotion, and Governance in Nguyễn Vietnam, 1802 – 1883*”, Research Essay, Vol. 10, No. 2, Spring 2015, Published by: University of California Press.
9. Trần Văn Giàu (2000), “*Nho giáo ở Việt Nam*”, *Trần Văn Giàu Tuyển tập*, Nxb. Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Kazuhiko, Onishi (2014), “Đạo giáo thời chúa Nguyễn qua nghiên cứu chùa Thiên Tôn”, *Xưa & Nay*, số 448, tháng 6.
11. Vũ Ngọc Khánh (2005), *Nữ thần và Thánh Mẫu*, Nxb. Thanh niên, Tiền Giang.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Tập 2, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
13. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
14. Thích Đại Sán, *Hải Ngoại Ký Sự*, Nxb. Khoa học xã hội, Ủy ban Phiên dịch sử liệu Việt Nam tái bản theo bản in 1963, Hà Nội, 2015.
15. Thiều Chửu (2013), *Hán Việt Tự điển*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
16. Tôcarev, X. A. (1995), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Abstract

RELIGIOUS FUSION THROUGH RESEARCH ON OFFERING SACRIFICES TO DEITIES OF THE NGUYỄN LORDS (1558 - 1777)

Truong Thuy Trinh

Institute for Religious Studies, VASS

Based on the research and analysis of historical data on the activities of offering sacrifices to deities of the Nguyễn lords during the period 1558-1777, the article indicates the religious fusion. In addition to the core role of the agricultural belief, three religions played an important role. Particularly, in the social context of Cochinchina, religious fusion mentality of the Vietnamese people in contact with the indigenous religions brought new factors to the offering sacrifices to deities. The article also points out the legitimacy of the activities of offering sacrifices to deities and its significance in asserting the dominant role of the Nguyễn lords.

Keywords: Offering sacrifices to deities; agricultural beliefs; three religions; indigenous religions; Nguyễn Lords.